

**TÀI LIỆU PHIÊN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

MỤC LỤC

PHẦN 1 - NỘI QUY CUỘC HỌP VÀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU	3
PHẦN 2 - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	6
PHẦN 3 - KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019	16
PHẦN 4 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018.....	21
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	21
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN.....	30
PHẦN 5 - TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	39
PHẦN 6 - BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ TỜ TRÌNH VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN	41
PHẦN 7 - BÁO CÁO LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019	46
PHẦN 8 - TỜ TRÌNH VỀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	47

DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ
PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
 Ngày 17/04/2019

Thời gian	Nội dung	Thời lượng
8h00 - 8h30	Đón tiếp đại biểu và quý cổ đông	30 phút
8h30 - 8h40	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	10 phút
8h40 - 8h43	Báo cáo của Ban kiểm tra tư cách cổ đông	3 phút
8h43 - 8h50	Thông báo nội quy cuộc họp Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Thư ký cuộc họp	7 phút
8h50 - 9h05	Chào mừng quý cổ đông và khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông qua Chương trình nghị sự của cuộc họp. Bầu Ban kiểm phiếu.	15 phút
9h05 - 9h20	Báo cáo của HĐQT về hoạt động của TCT năm 2018; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019	15 phút
9h20 - 9h30	Báo cáo tài chính năm 2018; Phương án phân phối LN 2018, kế hoạch phân phối LN 2019	10 phút
9h30 - 9h40	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2018 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019	10 phút
9h40 - 9h45	Báo cáo về thực hiện quỹ lương, thưởng, thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và dự toán 2019	05 phút
9h45 - 10h05	Công tác bầu cử TV HĐQT: -Thông qua Quy chế bầu cử -Thông qua Tờ trình về danh sách bầu cử -Ban Tổ chức (thông qua Ban kiểm phiếu) hướng dẫn thực hiện việc bầu cử theo quy chế. -ĐHĐCĐ bỏ phiếu bầu TV HĐQT	20 phút
10h05 - 10h20	Giải lao	15 phút
10h20 - 10h45	Đại hội thảo luận, phát biểu ý kiến	25 phút
10h45 - 10h50	Cổ đông hoàn tất phiếu biểu quyết thông qua các nội dung, Ban kiểm phiếu tổng hợp phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu	05 phút
10h50 - 11h00	Đại hội tiếp tục thảo luận	10 phút
11h00 - 11h10	Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả bầu cử và kết quả biểu quyết thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ	10 phút
11h10 - 11h20	Thư ký báo cáo dự thảo Biên bản, Nghị quyết đại hội, Chủ tọa điều hành để Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết	10 phút
11h20-11h30	Chủ tọa tuyên bố bế mạc ĐH	

Phần 1 – NỘI QUY CUỘC HỌP VÀ THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU

Bản Nội quy cuộc họp và Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu này được áp dụng tại phiên họp thường niên & bất thường của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – công ty cổ phần với các mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp.

I. TRẬT TỰ CỦA CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Tất cả các cổ đông đến dự họp ăn mặc nghiêm túc, xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy mời họp và giấy tờ khác liên quan đến việc xác minh tư cách cổ đông dự họp tại bàn tiếp đón. Chỉ những cổ đông của Tổng công ty và khách mời chính thức khác của Tổng công ty mới được phép vào phòng họp.
2. Ban tổ chức ưu tiên sắp xếp chỗ ngồi, phát tài liệu, in phiếu biểu quyết cho cổ đông có xác nhận tham dự họp và đến đúng giờ.
3. Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
4. Không hút thuốc lá trong Hội trường.
5. Không nói chuyện riêng, không nói chuyện điện thoại trong cuộc họp. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

II. TRÌNH TỰ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

Ngay sau khi Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo kết quả kiểm tra và xác định số lượng cổ đông có mặt thỏa mãn điều kiện để tổ chức cuộc họp, thủ tục khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) được tiến hành ngay.

- 1. Giới thiệu nội quy, thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký.**
- 2. Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội phát biểu chào mừng quý vị cổ đông đến dự họp.**
- 3. Thông qua Chương trình nghị sự, bầu Ban kiểm phiếu.**

ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay.

- 4. Báo cáo trước Đại hội những nội dung của phiên họp.**

Theo nội dung chương trình nghị sự được thông qua.

- 5. Thảo luận về nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc.**

Sau khi Ban lãnh đạo Tổng công ty báo cáo cuộc họp ĐHĐCĐ các nội dung phiên họp, Đoàn chủ tịch tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, nghe ý kiến của ĐHĐCĐ và giải đáp thắc mắc, theo nguyên tắc và cách thức sau đây:

- Phiên thảo luận sẽ được tiến hành sau khi báo cáo, nội dung của Đại hội được trình bày hoặc theo sự điều khiển hợp lý của Chủ tọa.
- Cổ đông có ý kiến phát biểu tại cuộc họp cần điền nội dung câu hỏi vào Phiếu ý kiến (do ban tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông cung cấp), gửi cho Ban thư ký để tổng hợp gửi lên Đoàn chủ tịch. Ngoài ra, tài liệu cuộc họp được Tổng công ty đăng tải trên website, đề nghị cổ đông nghiên cứu trước và chuẩn bị câu hỏi, gửi trước cho ban tổ chức đại hội.
- Các cổ đông yêu cầu và Đoàn chủ tịch trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình và mang tính đại diện cho nhiều cổ đông. Chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn thì Đoàn chủ tịch sẽ tổng hợp và trả lời chung.

- Các câu hỏi về thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung cuộc họp đại hội đồng cổ đông, sẽ được ban thư ký tập hợp và trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của Tổng công ty.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI CUỘC HỌP:

1. Nguyên tắc:

Theo Quy chế nội bộ về quản trị đã được ĐHĐCĐ thông qua, các vấn đề trong chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng hình thức giơ tay hoặc Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện tùy theo tính chất vấn đề xin ý kiến. Mỗi cổ đông khi vào dự họp được cấp một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi các thông tin theo quy định, các nội dung đề nghị biểu quyết, (có in mã vạch để phục vụ việc kiểm phiếu bằng công nghệ thông tin)

2. Cách biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*) từng vấn đề bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết, sau đó chuyển lại Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức.

Riêng trong trường hợp có bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát (HĐQT/BKS), cổ đông điền Phiếu bầu cử theo quy định và hướng dẫn tại Quy chế bầu cử HĐQT/BKS.

3. Thời điểm biểu quyết:

Theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông biểu quyết/chuyển Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử cho Ban tổ chức. Trong quá trình họp, các cổ đông có thể biểu quyết trước các nội dung và chuyển Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử cho Ban tổ chức.

4. Kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên do Đoàn Chủ tịch đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu tiến hành công việc thu phiếu, kiểm phiếu với sự trợ giúp của tổ giúp việc. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm phiếu bầu HĐQT, BKS, kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung, tờ trình của phiên họp ĐHĐCĐ.

Trong trường hợp cần thiết, Đoàn Chủ tịch sẽ mời đại diện quý vị cổ đông dự họp để tham gia giám sát quá trình thu phiếu và kiểm phiếu biểu quyết với Ban kiểm phiếu.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ĐOÀN:

1. Điều khiển cuộc họp theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được ĐHĐCĐ thông qua. Chủ tịch đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn các cổ đông thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình họp.
3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình họp ĐHĐCĐ.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ:

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp ĐHĐCĐ và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.
2. Tập hợp văn bản ý kiến của cổ đông trình Đoàn chủ tịch.
3. Soạn thảo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU:

1. Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết, quy chế bầu cử HĐQT, BKS.
2. Phát phiếu và thu phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử và kết quả biểu quyết về các vấn đề thông qua tại cuộc họp.

3. Nhanh chóng thông báo cho Đoàn chủ tịch và Ban Thư ký kết quả bầu cử, biểu quyết.
4. Xem xét và báo cáo với ĐHĐCĐ quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ hoặc đơn từ khiếu nại về biểu quyết.

Trên đây là Nội quy cuộc họp và Thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA, CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Tiến Vinh

Phần 2 - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2018

1. Tổng quan

Năm 2018 nền kinh tế Việt Nam có những điểm sáng về tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát được kiềm chế ở mức rất thấp mặc dù bối cảnh kinh tế và chính trị thế giới còn nhiều thách thức và bất ổn; Giá dầu thế giới đã tăng dần trở lại dẫn tới giá khí cũng tăng lên sau khi đã giảm xuống mức thấp, tạo áp lực chi phí cho Tổng công ty; Tình hình cạnh tranh giữa các đơn vị trong cùng lĩnh vực ngày càng gay gắt; Thị trường phân đạm có những dấu hiệu tích cực; Chi phí thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ tiếp tục chiếm phần đáng kể trong chi phí sản xuất. Song, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời của các cơ quan ban ngành, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo và sự đoàn kết quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách của tập thể CBCNV, Tổng công ty đã hoàn thành được nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 2018 và vượt cả kế hoạch lợi nhuận đã điều chỉnh tăng.

2. Những kết quả đạt được:

Với vai trò là cơ quan quản lý Tổng công ty giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đánh giá tổng kết năm 2018 trong bối cảnh có những thuận lợi và khó khăn, với những giải pháp đúng đắn PVFCCo đã tiếp tục hoàn thành và hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

Bên cạnh việc luôn đảm bảo tối ưu hiệu quả sản xuất và kinh doanh sản phẩm thế mạnh của Tổng công ty là Đạm Phú Mỹ, trong năm 2018, Tổng công ty đã tập trung vào quản trị và nâng cao hiệu quả kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh, đặc biệt là các sản phẩm mang thương hiệu Phú Mỹ (NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ), qua đó góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Tổng công ty, đồng thời khai thác tối đa lợi thế của hệ thống phân phối PVFCCo đã xây dựng. Các công ty con trong lĩnh vực phân phối cũng đã chủ động từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh và hóa chất phục vụ dầu khí. Tổng công ty đã triển khai quyết liệt và hoàn thành cơ bản việc thi công xây dựng dự án đầu tư nâng công suất phân xưởng NH₃ Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học... với việc phân xưởng NH₃ nâng cấp đã vận hành thương mại từ tháng 1/2018 và Nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học vận hành thương mại trong quý 3/2018.

Về mặt quản trị doanh nghiệp, Tổng công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại nhất. Năm 2018 tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp: ISO 9001 - 2008, OSHAS 18001:2007 và ISO 14001:2004; hệ thống: ERP, STOP, 5S, Sig Sigma, CBM, RCA, FMEA, RBI, RCM..., bộ chỉ số đánh giá hiệu quả công việc KPI và đề án Cải tiến chính sách tiền lương (3P) nhằm tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và hiệu quả. Bộ máy kiểm toán nội bộ đã triển khai với cách tiếp cận mới trong công tác kiểm toán, góp phần hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Trong bối cảnh thuận lợi và thách thức đan xen, kết thúc năm tài chính 2018, Tổng công ty đạt được kết quả SXKD như sau:

2.1. Các chỉ tiêu chính đạt được

a. Sản lượng sản xuất:

- Urê Phú Mỹ: 815.946 tấn - đạt 102% KH năm, tăng 2% so với năm 2017.
- UFC85: 11.093 tấn- đạt 85% KH năm, giảm 12% so với năm 2017.
- NPK Phú Mỹ: 58.376 tấn – đạt 117% KH năm

- NH3 (sx để bán thương mại): 56.385 tấn – đạt 103% KH năm, tăng 215% so với năm 2017.

b. Sản lượng kinh doanh:

- Urê Phú Mỹ: 812.418 tấn - đạt 102% KH năm, tăng 2% so với năm 2017.
- NPK Phú Mỹ (SX): 34.592 tấn - đạt 99% KH năm.
- Kinh doanh phân bón khác: 326.892 tấn - đạt 104% KH năm, giảm 13% so với năm 2017.
- NH3: 52.409 tấn - đạt 94% KH năm, tăng 109% so với năm 2017.
- UFC 85: 7.974 tấn - đạt 89% KH năm, giảm 2% so với năm 2017.

KD UFC85 không đạt KH năm chủ yếu do thị trường tiêu thụ nhỏ và không thể mở rộng trong khi khách hàng hoặc là dùng sử dụng để tiết giảm chi phí hoặc sản xuất cầm chừng.

- CO2: 44.621 tấn - đạt 89% KH năm, tăng 16% so với năm 2017.

KD CO2 không đạt KH năm chủ yếu do nhu cầu khách hàng thấp.

- Hóa chất khác: 1.739 tấn- đạt 109% KH năm, giảm 3% so với năm 2017.

c. Chỉ tiêu tài chính:

- Doanh thu đạt 9.439 tỷ đồng- đạt 104% KH năm, tăng 15% so với năm 2017.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 871 tỷ đồng- đạt 119% KH năm, tăng 2% so với năm 2017.

2.2. Công tác quản lý sản xuất:

- Nhà máy Đạm Phú Mỹ vận hành an toàn, ổn định. Tải sản xuất Urê trung bình khoảng 2.433 tấn Urê/ngày (không tính thời gian ngừng máy).
- Tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa đối với các thiết bị trong Nhà máy. Kết quả, năm 2018, thời gian chạy máy tại xưởng Urê đạt 92% và xưởng NH3 đạt 91% → góp phần quan trọng trong việc đảm bảo công tác sản xuất được ổn định, an toàn và hiệu quả.
- Áp dụng hiệu quả các phần mềm tiên tiến trong bảo dưỡng như CMMS, System 1, hỗ trợ đắc lực cho việc quản lý, theo dõi tình trạng thiết bị và chẩn đoán các hư hỏng của thiết bị cũng như hoạt động điều tra sự cố.
- Áp dụng hiệu quả các bộ định mức tiêu hao, dự phòng vật tư tối thiểu trong sản xuất. Các tiêu hao hóa chất và năng lượng trong định mức đã ban hành; thường xuyên theo dõi và đánh giá các bộ định mức để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình sản xuất thực tế của Nhà máy.

2.3. Hoạt động quản lý kinh doanh:

Trước tình hình thị trường phân bón thế giới biến động khó lường, thị trường phân bón trong nước cạnh tranh cao, công tác tổ chức kinh doanh của PVFCCo tập trung vào nhiệm vụ giữ vững thị phần, phát triển kinh doanh sản phẩm phân bón mới, phát triển KD hóa chất, khẳng định chất lượng sản phẩm, thể hiện cụ thể ở các điểm sau:

- Công tác thông tin dự báo thị trường: Thường xuyên cập nhật diễn biến thị trường trong và ngoài nước; tổ chức hệ thống thông tin thông suốt từ Tổng công ty đến từng cán bộ kinh doanh. Việc cập nhật tin tức kịp thời giúp Tổng công ty đưa ra những quyết định phù hợp trong công tác chuẩn bị nguồn hàng và xây dựng giá bán sát giá thị trường.
- Tổ chức/phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề: Nhằm cập nhật, trao đổi thông tin và huy động trí tuệ tập thể trong quản lý hoạt động kinh doanh, PVFCCo cũng đã tổ chức/phối hợp tổ chức/tham dự các cuộc hội nghị, hội thảo (hội nghị về công tác kinh doanh, thương hiệu, hội thảo về công tác thông tin thị trường...). Kết quả các hội nghị, hội thảo đã góp phần quan trọng trong hoạt động quảng bá sản phẩm, hình ảnh của PVFCCo., tìm kiếm cơ hội hợp tác ở thị trường trong và ngoài nước, là cơ sở giúp Tổng công ty hoàn thiện các phương án, chiến lược kinh doanh.

- Hệ thống phân phối: Công tác quản lý hệ thống phân phối tiếp tục được tăng cường và hoàn thiện. Thường xuyên rà soát, đánh giá để phát triển hệ thống phân phối bền vững, xuyên suốt từ đại lý cấp 1/nhà phân phối - cửa hàng, lựa chọn các Đại lý/Nhà phân phối có tiềm lực về tài chính và kinh nghiệm, sẵn sàng phát triển thị trường cho các sản phẩm phân bón của TCT và song hành với TCT kể cả trong những giai đoạn thị trường khó khăn.
- Tiếp tục phát triển đa dạng trong sản xuất kinh doanh hóa chất, hóa phẩm dầu khí.

Các hoạt động quản lý SXKD được tổ chức/ thực hiện đồng bộ đã góp phần giúp Tổng công ty đạt được những hiệu quả kinh doanh trong thời gian qua, giúp giá cả thị trường được giữ ổn định, kể cả vào những thời điểm cao vụ, giúp người dân chủ động sản xuất. Đồng thời, chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ kinh doanh trong thời gian tới.

2.4. Hoạt động đầu tư XD/CB

Trong năm 2018, TCT thực hiện 1 DA nhóm A, 1 DA nhóm B, 3 DA nhóm C và một số hạng mục mua sắm TSCĐ/TTB. Hiện tại kết quả đạt được như sau:

- **Tổ hợp dự án "Nâng công suất phân xưởng NH₃ của NMDPM và xây dựng NM sản xuất NPK công nghệ hóa học"**
 - + *Dự án NH₃*: Dự án hoàn thành và đưa vào sản xuất thương mại từ ngày 28/01/2018. Hiện các bên đang hoàn thiện hồ sơ, hoàn thành các điểm còn tồn đọng (punch) để nghiệm thu dự án.
 - + *Dự án NPK*: Dự án hoàn thành và đưa vào sản xuất thương mại từ ngày 10/8/2018. Hiện các bên tiếp tục hoàn thiện các tồn đọng, các khoản thanh toán tương ứng mốc hoàn thành quan trọng và hồ sơ để nghiệm thu chính thức dự án.
 - **DA xưởng sản xuất UFC85/formaldehyde**: Đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành ngày 18/12/2018.
 - **Dự án Trạm điện cho các DA tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ**: Đã phê duyệt quyết toán dự án giai đoạn I.
 - **Kho chứa phân bón tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ**: Dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt. Phê duyệt HSMT và phát hành HSMT thi công của dự án.
 - **Cải tạo nâng cấp hệ thống dò khí và dò lửa tại NM ĐPM**: Đã hoàn thành nâng cấp hệ thống, nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Theo dõi Nhà thầu thực hiện bảo hành công trình. Đã hoàn tất gói kiểm toán dự án và phát hành báo cáo kiểm toán 30/10/2018. Hoàn thành thanh toán trong tháng 12/2018.
 - **Các dự án đầu tư/mua sắm tài sản**:
Kho/bén xếp dỡ Tây Ninh: Công ty Tri Việt đã hoàn tất triển khai thực hiện PLHĐ chuyên nhượng dự án đã ký kết với TCT ngày 24/12/2015. Ngày 26/6/2018 PVFCCo đã nhận bàn giao kho từ Công ty Tri Việt.
- ↪ **Giá trị giải ngân ĐTXD và mua sắm năm 2018 là 910 tỷ đồng- đạt 62% KH năm.**

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu SXKD:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018 (điều chỉnh)	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ so với năm 2017 (%)	Tỷ lệ hoàn thành KH (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Sản lượng sản xuất						
-	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	798,7	800,0	816	102%	102%
-	UFC 85	Nghìn tấn	12,6	13,0	11	88%	85%
-	NPK	Nghìn tấn	-	50,0	58		117%

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018 (điều chỉnh)	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ so với năm 2017 (%)	Tỷ lệ hoàn thành KH (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
-	NH3 (để thương mại)	Nghìn tấn	17,9	55,0	56	315%	103%
2	Sản lượng kinh doanh						
-	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	794,4	800,0	812	102%	102%
	NPK			35,0	35		99%
-	Phân bón tự doanh	Nghìn tấn	373,8	315,0	327	87%	104%
-	UFC 85	Nghìn tấn	8,2	9,0	8	98%	89%
-	NH3 (để thương mại)		25,0	55,5	52	209%	94%
-	CO2		38,3	50,0	45	116%	89%
-	Hóa chất	Nghìn tấn	1,8	1,6	2	97%	109%
3	Chỉ tiêu tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)						
	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.178	9.050	9.439	115%	104%
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	853	730	871	102%	119%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	708	620	712	101%	115%
	Nộp NSNN	Tỷ đồng	516	290	297	58%	102%
4	Chỉ tiêu tài chính công ty mẹ						
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	7.893	7.560	8.132	103%	108%
	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.914	3.914	3.914	100%	100%
	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.518	8.473	9.017	120%	106%
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	847	700	863	102%	123%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	713	605	715	100%	118%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	18	15	18	100%	118%
	Nộp NSNN	Tỷ đồng	485	270	273	56%	101%
5	Đầu tư						
a.	Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	1.550	1.459	910	59%	62%
	Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	1.490	1.359	831	56%	61%
	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	60	85	79	132%	92%
	Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng		15			0%
b.	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.550	1.459	910	59%	62%
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	922	671	342	37%	51%
	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	629	789	568	90%	72%

3. Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục:

Bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được trong năm 2018, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng công ty vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục và nâng cao sự quan tâm, cụ thể như sau:

a) Về sản xuất:

- Nhà máy đạm Phú Mỹ sau hơn 15 năm vận hành, mặc dù được bảo dưỡng thường xuyên nhưng đã bắt đầu xuất hiện những sự cố ở các thiết bị tĩnh; việc kết nối, vận hành giữa dây chuyền thiết bị cũ và thiết bị mới đầu tư giai đoạn đầu còn có một số khó khăn, rủi ro trong việc đảm bảo sự vận hành ổn định, liên tục của toàn thể Nhà máy.

b) Về quản lý giá thành sản xuất:

- Nhà máy NPK vận hành ở giai đoạn đầu, tính ổn định và sản lượng còn thấp, cũng như việc chuẩn bị nguồn nguyên liệu chưa tối ưu, khiến cho việc xây dựng định mức tiêu hao, kiểm soát giá thành chưa đạt hiệu quả tốt nhất.

c) Về đầu tư góp vốn tại các doanh nghiệp liên kết:

- Mục tiêu thoái vốn tại các doanh nghiệp liên kết: PVTEX, PVC Mekong, PAIC và Công ty cổ phần Thủy hải sản Út Xi chưa thực hiện được trong năm 2018 như kế hoạch đề ra. Hoạt động của các công ty này (trừ PAIC) trong năm 2018 tiếp tục đạt kết quả kém làm suy giảm vốn đầu tư của Tổng công ty.

II. HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018:

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2018, HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

2. Kết quả hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách từng mảng hoạt động như sau:

- Ông Lê Cự Tân - Chủ tịch HĐQT
 - Chịu trách nhiệm chung trong điều hành hoạt động của HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các vấn đề quan hệ với cổ đông lớn, công ty mẹ của Tổng công ty, các cơ quan quản lý nhà nước.
 - Công tác tổ chức nhân sự và đào tạo; đổi mới doanh nghiệp; chế độ chính sách đối với CBCNV.
 - Tổ chức, theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác ban hành, sửa đổi chiến lược, các quy chế, quy định, chính sách chung của Tổng công ty.
 - Theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác đầu tư xây dựng cơ bản.
 - Tham dự để giám sát, chỉ đạo tại các cuộc họp của Tổng công ty về hoạt động kinh doanh, các cuộc họp hội đồng giá.
 - Chỉ đạo người đại diện phân vốn tại các công ty con trực thuộc.
- Bà Nguyễn Thị Hiền - Phó Chủ tịch HĐQT
 - Thay mặt Chủ tịch HĐQT xử lý, điều hành hoạt động hàng ngày của HĐQT và các chức năng, nhiệm vụ khác của Chủ tịch HĐQT theo phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT.
 - Theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác kế hoạch, quản lý tài chính, đầu thầu và đầu tư xây dựng cơ bản. Tham dự để giám sát, chỉ đạo tại các cuộc họp của Tổng công ty về tài chính, kiểm toán, kiểm kê, kiểm soát, đầu tư xây dựng cơ bản.
 - Đảm nhiệm vai trò Người công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Thay mặt HĐQT tham gia trong các hội đồng: Thi đua – khen thưởng, Hội đồng lương...

- Ông Đoàn Văn Nhuộm- Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Thực hiện nhiệm vụ Tổng giám đốc Tổng công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Tổng công ty và Luật DN.
 - Ông Nguyễn Hồng Vinh - Thành viên HĐQT chuyên trách
 - Theo dõi, giám sát, chỉ đạo mảng hoạt động kinh doanh, tiếp thị, bán hàng của Tổng công ty.
 - Tham dự để giám sát, chỉ đạo tại các cuộc họp của Tổng công ty về hoạt động kinh doanh, các cuộc họp hội đồng giá.
 - Theo dõi, giám sát, chỉ đạo mảng hoạt động NCPT. Tham gia Hội đồng khoa học công nghệ.
 - Ông Louis T Nguyen - Thành viên HĐQT kiêm nhiệm, độc lập
 - Theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác đầu tư, phát triển các dự án hợp tác, dự án/doanh nghiệp liên doanh, liên kết vốn của Tổng công ty với các đơn vị khác trong và ngoài nước.
 - Tham dự để giám sát, chỉ đạo tại các cuộc họp của Tổng công ty về hoạt động đầu tư, hợp tác, liên doanh, liên kết.

Tổng hợp kết quả tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của các thành viên:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự đầy đủ
1.	Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch HĐQT	5/5	100%	
2.	Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó CT HĐQT	5/5	100%	
3.	Ông Đoàn Văn Nhuộm	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
4.	Ông Nguyễn Hồng Vinh	Thành viên HĐQT	4/5	75%	Đi công tác
5.	Ông Louis T Nguyen	Thành viên HĐQT	4/5	75%	Đi công tác

Ngoài ra, từng thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia vào việc thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị qua **65** lần lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kiến thức quản trị công ty của các thành viên Hội đồng quản trị

- Tất cả các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm và được đào tạo về quản trị công ty tại thời điểm được bầu/bổ nhiệm.
- Các thành viên HĐQT luôn chủ động bồi dưỡng, đào tạo cập nhật, nâng cao kiến thức về Quản trị công ty để đáp ứng yêu cầu công việc.

4. Chi phí hoạt động, lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT trong năm 2018

*** Về chi phí hoạt động:**

Các thành viên HĐQT chuyên trách và thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc làm việc chuyên trách, thường xuyên tại Tổng công ty sử dụng phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo... theo các Quy chế của Tổng công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, Quy chế về chế độ công tác phí, Chính sách nhân viên... và được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Tổng công ty.

*** Về chính sách tiền lương, thù lao và tiền thưởng, phúc lợi khác:**

Tổng công ty áp dụng chế độ lương cho thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với người đại diện của Tập đoàn Dầu khí, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Tổng công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, Tổng công ty thực hiện chế độ thù lao công việc.

Chi tiết tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2018 của các Thành viên HĐQT:

TT	Họ & tên	Chức danh	Tiền lương + Thù lao	Tiền thưởng và PL từ quỹ KT-PL	Tổng Cộng
I./	Hội đồng Quản trị		(tr.đ)	(tr.đ)	(tr.đ)
1	Lê Cự Tân	Chủ tịch HĐQT	1.098	150	1.248
2	Đoàn Văn Nhuộm	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	1.092	149	1.241
3	Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT	1.004	138	1.143
4	Nguyễn Hồng Vinh	Thành viên HĐQT	956	133	1.088
5	Louis Nguyễn	Thành viên HĐQT không chuyên trách	191	0	191

5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Tổng công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết.

III. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2018, HĐQT họp 5 phiên họp và 65 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 70 nghị quyết, quyết định quan trọng và nhiều văn bản chỉ đạo khác về những nội dung quan trọng tiêu biểu sau đây:

- Kế hoạch, chiến lược :

- + Phê duyệt kế hoạch và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2018, thẩm định và phê duyệt kế hoạch năm 2019 để báo cáo ĐHCĐ trong phiên họp thường niên 2019.
- + Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2018.
- + Phê duyệt đề cương xây dựng Chiến lược nghiên cứu phát triển giai đoạn 2019-2028.

- Về tổ chức – nhân sự:

- + Tiếp tục chỉ đạo rà soát đề xây dựng kế hoạch tái cấu trúc giai đoạn 2016 - 2020 của Tổng công ty.
- + Phê duyệt định biên lao động.

- Hệ thống quản trị, kiểm soát rủi ro, kiểm soát nội bộ: Phê duyệt và triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ theo quy trình và bộ máy được hoàn thiện từ dự án hỗ trợ thiết lập bộ máy kiểm toán nội bộ; Chỉ đạo thực hiện và áp dụng giai đoạn 2 hệ thống ERP; Phê duyệt và triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ theo quy trình.

- Đầu tư, triển khai các dự án: Chỉ đạo triển khai và xử lý vướng mắc nhằm hoàn thành chạy thử, nghiệm thu dự án đầu tư nâng công suất xưởng NH₃ Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy phân NPK công nghệ hóa học. Phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án nhà máy sản xuất UFC85/Formaldehyde.

- **Ban hành, sửa đổi bổ sung các quy chế:** Quy chế quản lý kinh doanh phân bón, Quy chế xây dựng và quản lý hệ thống phân phối, Quy chế quản trị Tổng công ty, Điều lệ Tổng công ty (sửa đổi)...
- **Công tác tái cơ cấu:** Xây dựng lộ trình và định hướng để thoái vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Tổng công ty;
- **Quan hệ cổ đông:** Tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2018, chuẩn bị và tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ bất thường ngày 10/01/2019; Tổ chức gần 60 cuộc tiếp xúc riêng lẻ và theo nhóm với hơn 300 đại diện các quỹ đầu tư trong và ngoài nước là các cổ đông hiện hữu và nhà đầu tư tiềm năng theo yêu cầu; Tham dự 08 sự kiện/hội thảo tiếp xúc nhà đầu tư, cổ đông chủ chốt và tiềm năng tại Việt Nam và quốc tế (Mỹ, Anh, Singapore); Thực hiện công bố thông tin minh bạch, kịp thời ra thị trường theo quy định; Phát hành 2 kỳ bản tin Nhà đầu tư vào quý 3 và quý 4, phát hành Báo cáo thường niên vào quý 2; Thực hiện các chương trình hợp tác với các tổ chức môi giới, các cơ quan truyền thông đầu tư tài chính nhằm chuyển tải và phản hồi kịp thời, minh bạch các thông tin về PVFCCo ra thị trường; duy trì kết nối hợp tác với các cổ đông chủ chốt và các tổ chức đầu tư tài chính lớn trong và ngoài nước...
- **Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính:** Phối hợp với Ban kiểm soát để thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của HĐQT và giám sát việc thực hiện của Ban điều hành đối với các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban điều hành.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của các Hội đồng giá sản phẩm, chính sách bán hàng, chính sách nhân viên, công tác tổ chức lao động, các cuộc họp về xây dựng và giao kế hoạch SXKD cho các đơn vị trực thuộc, báo cáo và kiểm điểm các công tác trọng điểm...
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT.
- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

IV. HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT:

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị Louis T Nguyen, hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng quản trị và hiện tại đáp ứng tiêu chí thành viên độc lập không điều hành, đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và

tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công của Hội đồng quản trị.

Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về quản trị/điều hành của Tổng công ty trong năm 2018:

HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị công ty niêm yết. HĐQT tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để thông qua các quyết định và các ý kiến của HĐQT trong quá trình giám sát, chỉ đạo Tổng công ty thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ. Trong năm 2018, Tổng công ty tiếp tục tiếp nhận, phản hồi một số ý kiến của cổ đông liên quan tới vấn đề điều hành quản trị doanh nghiệp. Thành viên HĐQT độc lập nhận xét như sau:

- Trong Tổng công ty, cổ đông Nhà nước cũng giống như các cổ đông khác, đều mong muốn giá trị của công ty tăng lên. Những người quản trị là đại diện vốn nhà nước ngoài nhiệm vụ tuân thủ chế độ quản trị doanh nghiệp, còn ràng buộc trách nhiệm quản lý, bảo toàn phần vốn của Nhà nước. Tổng công ty phụ thuộc khá lớn vào chi phí nguyên liệu sản xuất và ban quản trị đã hết sức nỗ lực trong việc thuyết trình, đề xuất, bảo vệ cho những cam kết, hay chính sách của Nhà nước có lợi nhất cho Tổng công ty về lĩnh vực này.

- Pháp luật cho nhà đầu tư cơ chế để giám sát, thông qua chế độ báo cáo, công tác kiểm toán độc lập, hoặc một số công tác thanh tra, kiểm toán nhà nước khác. Các cổ đông có cơ sở để tin tưởng vào các tài liệu báo cáo đã qua tiến trình đó (kiểm toán Big 4, kiểm toán nội bộ, kiểm toán nhà nước...).

- Thành viên độc lập phụ trách về mảng quan hệ với các cổ đông đặc biệt là nước ngoài, chiếm tỷ lệ khá lớn trong công ty, trong năm 2018 đã chuyển tải đến nhà đầu tư về những giá trị, những lợi thế của Tổng công ty và nỗ lực từ ban quản trị, điều hành, và ngược lại cũng mang những đóng góp, ý tưởng từ nhà đầu tư về cho HĐQT về đường lối, chiến lược, hay những phương hướng về tìm nhà đầu tư chiến lược. Tổng công ty đã và đang có những nền tảng quản trị tốt trong số những công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước. Việc cải tiến liên tục để hiệu quả là điều mong muốn của tất cả các cổ đông.

V. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.

- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

- Hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2008, OHSAS 18001:2007 và ISO 14001: 2004; hệ thống quản lý và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP đã được áp dụng thành công, đề án cải cách chính sách tiền lương và đánh giá nhân viên được triển khai góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả.

- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Tổng công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.

- Ban Tổng giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng và phát triển hệ thống kênh phân phối; chủ động trong việc kinh doanh các mặt hàng tự doanh: NPK, Kali, các mặt hàng hóa chất và bước đầu cho thấy đã có chuyển biến tốt.

Trên đây là toàn văn Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Vinh

Phần 3 – KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

I. ĐỊNH HƯỚNG CÁC NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 2019:

Năm 2019 những yếu tố về thị trường phân bón, về giá khí tiếp tục có những khó khăn như đã diễn ra trong năm 2018. Đặc biệt, về nguồn cung khí thiên nhiên đã chuyển sang thời kỳ khó khăn, các nguồn khí giá rẻ sụt giảm sản lượng. Tuy nhiên, với nỗ lực hoàn thành các dự án đầu tư trọng điểm, Tổng công ty kỳ vọng cụm dự án mới NH3-NPK sẽ vận hành thương mại ổn định và đóng góp đáng kể vào doanh thu, lợi nhuận trong giai đoạn tới.

Trước những khó khăn thách thức đó, với sự ủng hộ, hỗ trợ của cổ đông Nhà nước, Hội đồng quản trị sẽ cùng với Ban điều hành và tập thể CBCNV nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ trình Đại hội đồng cổ đông năm 2019, với kế hoạch, định hướng sau:

1. Triển khai các nhiệm vụ SXKD đảm bảo: An toàn, hiệu quả và tiết kiệm.
2. Tìm kiếm nguồn khí ổn định (sản lượng, giá bán) dài hạn cho sản xuất đạm, đảm bảo hiệu quả SXKD của doanh nghiệp.
3. Tăng cường công tác quản lý chi phí, hạ giá thành sản phẩm để nâng cao hiệu quả hoạt động từ Tổng công ty tới các đơn vị thành viên. Trong đó, tập trung công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên để đảm bảo việc quản lý; huy động và sử dụng vốn đúng mục đích, chặt chẽ, an toàn và hiệu quả.
4. Tăng cường hiệu quả công tác cân đối vốn, dòng tiền và quản lý công nợ để không phát sinh nợ xấu mới, có biện pháp xử lý để thu hồi nợ tồn đọng, khó đòi, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh và thực hiện đầy đủ các biện pháp quản trị rủi ro theo quy định.
5. Vận hành Nhà máy đạm Phú Mỹ, xưởng sản xuất NPK và xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde đảm bảo an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm.
6. Tiếp tục thực hiện việc mua sắm vật tư dự phòng 02 năm vận hành và dự phòng vật tư thiết bị chính của phần Nâng công suất xưởng NH3 của nhà máy đạm Phú Mỹ và vật tư dự phòng 2 năm của nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học thuộc Tổ hợp Dự án đầu tư Nâng công suất phân xưởng NH3 và nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học đảm bảo tối ưu chi phí vật tư tồn kho và an toàn cho Nhà máy.
7. Tiếp tục củng cố thương hiệu Đạm Phú Mỹ/Phân bón Phú Mỹ trong nước và ngoài nước; kinh doanh đảm bảo hiệu quả, hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với các nhà đầu tư và lợi ích kinh tế xã hội.
8. Phát triển thị trường kinh doanh sản phẩm NPK Phú Mỹ, tăng cường công tác tiếp thị và truyền thông để định hình thương hiệu NPK Phú Mỹ cả về mẫu mã và chất lượng.
9. Xây dựng hệ thống phân phối phân bón bền vững trong nước và tìm kiếm mở rộng thị trường nước ngoài.
10. Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa các sản phẩm phân bón và hóa chất.
11. Tập trung hoàn thành quyết toán dự án nâng công suất phân xưởng NH3 nhà máy đạm Phú Mỹ và dự án nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học bảo đảm đúng quy định; triển khai các dự án Đầu tư xây dựng trong kế hoạch đảm bảo tiến độ, chất lượng, tiết kiệm và hiệu quả kinh tế.
12. Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình hiện có tại Tổng công ty cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của Pháp luật.

13. Rà soát lại các bộ định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại NM ĐPM, xây dựng định mức cho Nhà máy NPK và tích hợp lại với các bộ định mức hiện có của NM ĐPM để có bộ định mức dùng chung cho các Nhà máy của Tổng công ty.
14. Rà soát, cập nhật lại chính sách kinh doanh của Tổng công ty trên cơ sở thị trường; Các công ty vùng miền tăng cường tính tự chủ trong hoạt động.
15. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thích ứng môi trường cạnh tranh.
16. Thực hiện các chương trình phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, ưu tiên dùng hàng Việt nam,...
17. Thực hiện công tác cơ cấu theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Tập đoàn.
18. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao.

II. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

Căn cứ tình hình thực tế của hoạt động SXKD năm 2019, Hội đồng quản trị xin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính năm 2019, với nội dung có điều chỉnh so với các chỉ tiêu Hội đồng quản trị đã đề ra như sau:

1. Chỉ tiêu hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019
1	Kế hoạch sản xuất		
1.1	Đạm Phú Mỹ	Tấn	670.976
1.2	UFC 85/Fomaldehyde	Tấn	10.771
1.3	NPK Phú Mỹ	Tấn	150.000
1.4	NH3	Tấn	45.932
2	Kế hoạch kinh doanh		
2.1	Đạm Phú Mỹ	Tấn	680.000
2.2	NPK Phú Mỹ	Tấn	155.000
2.3	Phân bón khác	Tấn	232.500
2.4	UFC 85/Fomaldehyde	Tấn	8.000
2.5	NH3	Tấn	45.000
2.6	CO2	Tấn	44.000
2.7	Hóa chất khác	Tấn	1.400
3	Kế hoạch tài chính		
3.1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.645
3.2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	8.440
3.3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	205
3.4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	170
4.5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	206

2. Kế hoạch Công ty mẹ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.400
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	190
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	163
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	4,2
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	2,1

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019
7	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	%	10
8	Nộp NSNN	Tỷ đồng	188
9	Đầu tư XDCB và mua sắm tài sản, trang thiết bị	Tỷ đồng	772
	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	498
	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	274

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nếu có những chỉ tiêu cần điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình hoạt động, Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 (nếu có) cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong lần họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

III. Các giải pháp cơ bản để hoàn thành kế hoạch 2019

1. Trong sản xuất, kỹ thuật và công nghệ:

- Tiếp tục áp dụng và kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện bộ định mức tiêu hao nguyên vật liệu, phụ liệu hoá chất; thực hành tiết kiệm tối đa trong sản xuất.
- Tận dụng kinh nghiệm, giảm thiểu tối đa thời gian dừng máy, thời gian bảo dưỡng định kỳ.
- Xây dựng tồn kho vật tư, phụ tùng thay thế ngày càng hợp lý hơn.
- Tiếp tục nghiên cứu đa dạng hoá sản phẩm sản xuất trên nền urê. Cải tiến công nghệ, sáng kiến hợp lý hoá sản xuất, bảo dưỡng tiếp cận theo hướng bảo dưỡng dự phòng.
- Tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ vận hành – bảo dưỡng nhà máy theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp.
- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị tại khu vực Nhà máy và các đơn vị cung cấp dịch vụ nhằm đảm bảo cho Nhà máy hoạt động ổn định.
- Duy trì quản lý các nhà máy theo tiêu chuẩn ISO.

2. Về kinh doanh:

- Phát triển hệ thống kho bãi, hoàn thiện hệ thống phân phối, phương tiện vận chuyển để đảm bảo tính chủ động, linh hoạt trong kinh doanh.
- Tổ chức tốt công tác theo dõi, nắm bắt thông tin thị trường và tình hình tiêu thụ trong nước và quốc tế để có biện pháp điều chỉnh giá bán cho phù hợp.
- Tăng cường công tác dự báo, nghiên cứu, phân tích thị trường phân bón, hóa chất thế giới và trong nước để điều hành sản xuất kinh doanh theo sát sự biến động của thị trường, duy trì tồn kho hợp lý, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả kinh doanh của TCT.
- Phát triển sản xuất và kinh doanh hóa chất.
- Đa dạng sản phẩm kinh doanh và thị trường xuất khẩu urea: tăng cường kinh doanh các sản phẩm phân bón Phú Mỹ khác ngoài sản phẩm truyền thống Đạm Phú Mỹ đặc biệt là NPK Phú Mỹ trên cơ sở đảm bảo hiệu quả.

3. Trong ĐTXDCB và MSTTB:

- Tập trung thực hiện công tác quyết toán các dự án đã hoàn thành;
- Thực hiện mua sắm thông qua đấu thầu nhằm tăng tính cạnh tranh và tiết kiệm chi phí cho Tổng công ty.

4. Về Tài chính:

- Tiếp tục quản lý chặt chẽ về tài chính, kiểm soát được dòng tiền, nguồn hàng làm tăng khả năng quay vòng vốn nhằm mang lại hiệu quả kinh tế tối ưu.

- Ưu tiên nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh. Thu xếp vốn để triển khai các dự án.
- Tìm phương án thoái vốn tại các công ty liên doanh liên kết không hiệu quả.
- Tăng cường kiểm soát nội bộ.

5. Về Tổ chức:

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức phù hợp với sự phát triển của TCT, phát huy tối đa nguồn lực của các Công ty con.
- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV nhằm động viên khuyến khích người lao động sáng tạo trong công việc.
- Tăng cường triển khai các khóa đào tạo nội bộ cho toàn bộ CBCNV trong TCT, giúp tiết kiệm chi phí đào tạo, cũng như trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm thực tế công việc của PVFCCo một cách hệ thống, hiệu quả
- Tiếp tục xây dựng, củng cố đội ngũ chuyên gia cả về chất và lượng để đáp ứng các nhu cầu nội bộ của Tổng công ty cũng như vươn ra cung cấp dịch vụ cho bên ngoài.
- Xây dựng và phát triển đội ngũ Công nhân lành nghề.
- Bố trí, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực hiện có trong toàn Tổng công ty, không tuyển dụng thêm lao động gián tiếp. Tăng cường quản lý và giám sát chặt chẽ công tác tuyển dụng và sử dụng lao động.
- Tiếp tục cải tiến chính sách tiền lương, trả lương theo chức danh và gắn với kết quả lao động của từng cá nhân; khuyến khích lao động có trình độ chuyên môn cao, tay nghề giỏi và có nhiều đóng góp vào kết quả SXKD của TCT.
- Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

6. Môi trường, an toàn, sức khỏe:

- Duy trì sản xuất kinh doanh, đầu tư đa dạng hóa sản phẩm trên nguyên tắc tuân thủ các quy định về môi trường do luật pháp quy định.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của Nhà máy sản xuất, đảm bảo xử lý chất thải theo đúng quy định, chỉ tiêu đăng ký.
- Tiếp tục cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho CBCNV trong toàn Tổng công ty.
- Giám sát, kiểm tra và lập kế hoạch đánh giá nội bộ định kỳ nhằm duy trì Hệ thống quản lý chất lượng, sức khỏe, an toàn và môi trường.

7. Về Quản lý:

- Hoàn thiện hệ thống quản lý các hoạt động của Tổng công ty để có những quyết định kịp thời, phù hợp.
- Duy trì hoạt động sản xuất KD an toàn, hiệu quả, công suất cao.
- Bám sát các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, các giải pháp đã đề ra và có những chỉ đạo phù hợp với từng giai đoạn, từng thị trường.
- Điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, nghiên cứu linh hoạt để đón đầu được thị trường.
- Tích cực hợp tác với các đơn vị trong ngành trong việc sử dụng các dịch vụ.
- Thực hiện quyết liệt chương trình phòng chống tham nhũng, lãng phí.

8. Về Truyền thông – Marketing và hoạt động cộng đồng:

- Tăng cường quảng bá sản phẩm, bán hàng đến tay người tiêu dùng, củng cố hệ thống chăm sóc khách hàng, hướng dẫn sử dụng phân bón có hiệu quả nhằm tăng năng suất cây trồng và bảo vệ môi trường để tiếp tục khẳng định uy tín của thương hiệu Phú Mỹ.

- Tăng cường quan hệ hợp tác báo chí – truyền thông, trao đổi thông tin thường xuyên và kịp thời với các cơ quan báo chí về tình hình SXKD của TCT.

Trên đây là Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2019 của Tổng công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Vinh

Phần 4 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiến Vinh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)
Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)
	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên
Ông Lê Minh Hồng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)
Ông Louis T.Nguyen	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Cự Tân	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2019)
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2019)
Bà Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tông	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 02 năm 2018)
Ông Dương Trí Hội	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Ngọc Phương	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2019
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2019, từ trang 4 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Trần Huy Công
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

*Ngày 18 tháng 3 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0910-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.172.046.948.960	5.017.087.993.696
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.716.919.348.616	2.361.887.855.663
1. Tiền	111		293.934.821.687	183.292.026.309
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.422.984.526.929	2.178.595.829.354
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	955.000.000.000	895.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		955.000.000.000	895.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		520.579.213.356	256.516.457.348
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	422.514.452.443	143.208.711.158
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	78.790.739.261	94.031.112.122
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	252.514.839.051	252.794.480.796
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(233.576.422.659)	(233.517.846.728)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		335.605.260	-
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.662.663.084.855	1.222.968.204.548
1. Hàng tồn kho	141		1.665.129.426.404	1.223.013.757.447
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.466.341.549)	(45.552.899)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		316.885.302.133	280.715.476.137
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	53.472.993.772	17.312.413.639
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		258.031.179.931	256.305.454.281
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	5.381.128.430	7.097.608.217

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.962.209.859.178	5.247.016.579.792
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		858.374.000	2.041.734.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	858.374.000	2.041.734.000
II. Tài sản cố định	220		5.313.224.552.963	1.834.693.985.228
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.453.310.092.927	938.879.341.269
- Nguyên giá	222		11.653.882.170.846	7.638.038.829.329
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.200.572.077.919)	(6.699.159.488.060)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	859.914.460.036	895.814.643.959
- Nguyên giá	228		1.139.091.383.947	1.166.854.986.839
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(279.176.923.911)	(271.040.342.880)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	250.383.262.298	260.945.826.865
- Nguyên giá	231		334.556.867.544	334.556.867.544
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(84.173.605.246)	(73.611.040.679)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		136.578.490.420	2.861.604.550.893
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	136.578.490.420	2.861.604.550.893
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	46.652.969.218	46.684.613.638
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		28.388.260.482	28.566.148.989
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.502.000.000	20.502.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.237.291.264)	(2.383.535.351)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		214.512.210.279	241.045.869.168
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	23.270.193.135	30.549.534.439
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	69.142.811.382	79.984.319.926
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	109.307.114.725	117.719.923.766
4. Tài sản dài hạn khác	268		12.792.091.037	12.792.091.037
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		11.134.256.808.138	10.264.104.573.488

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.879.246.949.841	2.220.879.729.291
I. Nợ ngắn hạn	310		1.513.850.189.531	1.417.572.897.674
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	415.701.704.589	297.706.572.390
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	68.643.918.032	138.300.964.371
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	23.253.103.532	15.981.781.948
4. Phải trả người lao động	314		113.798.450.304	105.980.504.396
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	580.230.502.931	178.366.248.271
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		118.761.819	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	54.325.536.302	445.556.275.525
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	201.978.485.702	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	-	199.470.502.806
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		55.799.726.320	36.210.047.967
II. Nợ dài hạn	330		1.365.396.760.310	803.306.831.617
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		167.880.274	839.401.318
2. Phải trả dài hạn khác	337	21	960.870.000	960.870.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	1.031.870.914.209	629.383.072.193
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	132.540.000.000	132.540.000.000
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	167.190.364.916	-
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		32.666.730.911	39.583.488.106
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.255.009.858.297	8.043.224.844.197
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	8.255.009.858.297	8.043.224.844.197
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	21.179.913.858
3. Cổ phiếu quỹ	415		(2.296.824.120)	(2.296.824.120)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.497.039.984.859	3.497.039.984.859
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		657.268.539.966	442.169.277.324
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		50.282.517.164	243.644.698.132
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		606.986.022.802	198.524.579.192
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		167.818.243.734	171.132.492.276
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		11.134.256.808.138	10.264.104.573.488

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		9.395.359.665.641	8.101.852.559.310
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		98.248.115.232	106.023.465.391
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	9.297.111.550.409	7.995.829.093.919
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	27	7.397.640.258.893	5.884.432.561.847
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	27	1.899.471.291.516	2.111.396.532.072
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	123.658.446.036	164.595.463.841
7. Chi phí tài chính	22	30	73.797.994.363	1.379.308.284
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		62.586.468.519	186.427.398
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24	5	2.916.621.493	3.834.843.056
9. Chi phí bán hàng	25	31	612.322.153.525	802.514.524.567
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	485.710.294.387	638.677.975.533
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		854.215.916.770	837.255.030.585
12. Thu nhập khác	31		17.876.027.364	17.312.125.756
13. Chi phí khác	32		1.476.414.908	1.702.710.637
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		16.399.612.456	15.609.415.119
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		870.615.529.226	852.864.445.704
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	147.299.819.968	141.942.071.760
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	10.841.508.544	3.082.437.394
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		712.474.200.714	707.839.936.550
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		699.593.467.601	694.455.793.862
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		12.880.733.113	13.384.142.688
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.551	1.532

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	870.615.529.226	852.864.445.704
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	519.256.652.582	191.416.391.928
Các khoản dự phòng	03	36.967.616.014	161.178.465.999
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	8.093.479.053	534.131.424
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(129.190.927.841)	(173.126.134.697)
Chi phí lãi vay	06	62.586.468.519	186.427.398
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.368.328.817.553	1.033.053.727.756
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(284.540.032.573)	(124.204.301.195)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(433.702.859.916)	(365.186.258.351)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.824.219.476)	(217.852.377.459)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(28.881.238.829)	26.658.151.088
Tiền lãi vay đã trả	14	(95.538.767)	(186.427.398)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(144.064.079.451)	(150.238.245.425)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(89.165.406.558)	(121.068.044.243)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	381.055.441.983	80.976.224.773
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(890.564.913.641)	(1.392.102.797.275)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.320.554.728	24.314.881.455
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.695.000.000.000)	(1.310.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.635.000.000.000	470.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	123.554.802.970	159.662.046.661
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(821.689.555.943)	(2.048.125.869.159)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	611.619.415.388	759.439.088.937
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(33.370.000.000)	(130.600.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(782.524.593.100)	(398.368.476.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(204.275.177.712)	230.470.612.137
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(644.909.291.672)	(1.736.679.032.249)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.361.887.855.663	4.098.557.036.080
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(59.215.375)	9.851.832
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.716.919.348.616	2.361.887.855.663

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

(Phần thuyết minh BCTC, xin vui lòng xem toàn văn BCTC đã được công bố tại website www.dpm.vn)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiến Vinh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)
Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)
	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên
Ông Lê Minh Hồng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)
Ông Louis T.Nguyen	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Cự Tân	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2019)
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2019)
Bà Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng Giám đốc
	(nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 02 năm 2018)
Ông Dương Trí Hội	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Ngọc Phương	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2019
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2019, từ trang 4 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0910-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.554.288.812.002	4.350.630.229.958
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.511.425.771.910	1.975.644.526.576
1. Tiền	111		177.425.771.910	101.644.526.576
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.334.000.000.000	1.874.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	825.000.000.000	835.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		825.000.000.000	835.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		535.931.051.479	212.161.697.308
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	470.328.245.626	103.671.774.172
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	49.223.730.472	90.757.085.022
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	249.619.892.780	251.250.684.842
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(233.576.422.659)	(233.517.846.728)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		335.605.260	-
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.366.033.553.207	1.050.508.366.652
1. Hàng tồn kho	141		1.366.033.553.207	1.050.508.366.652
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		315.898.435.406	277.315.639.422
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	53.281.725.703	15.095.728.800
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		258.031.179.931	256.305.454.281
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	4.585.529.772	5.914.456.341

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.212.774.452.581	5.482.813.641.843
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		750.000.000	965.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	750.000.000	965.000.000
II. Tài sản cố định	220		5.212.153.782.876	1.718.638.550.342
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.407.592.731.819	879.754.317.564
- Nguyên giá	222		11.469.498.646.708	7.454.934.165.117
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.061.905.914.889)	(6.575.179.847.553)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	804.561.051.057	838.884.232.778
- Nguyên giá	228		1.078.529.642.772	1.105.540.820.964
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(273.968.591.715)	(266.656.588.186)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	250.383.262.298	260.945.826.865
- Nguyên giá	231		334.556.867.544	334.556.867.544
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(84.173.605.246)	(73.611.040.679)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		136.402.931.745	2.861.564.550.893
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	136.402.931.745	2.861.564.550.893
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	422.717.708.736	422.571.464.649
1. Đầu tư vào công ty con	251		386.250.000.000	386.250.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		680.903.000.000	680.903.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.502.000.000	20.502.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(664.937.291.264)	(665.083.535.351)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		190.366.766.926	218.128.249.094
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	9.041.899.262	13.397.838.293
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	59.225.661.902	74.218.395.998
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	109.307.114.725	117.719.923.766
4. Tài sản dài hạn khác	268		12.792.091.037	12.792.091.037
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		10.767.063.264.583	9.833.443.871.801

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.634.845.246.309	1.940.846.467.106
I. Nợ ngắn hạn	310		1.401.988.485.999	1.270.079.635.489
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	405.281.897.326	302.503.746.891
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	59.265.267.449	35.445.705.703
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	15.710.762.368	12.058.155.576
4. Phải trả người lao động	314		93.713.546.028	87.705.158.019
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	567.463.319.811	173.617.987.993
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		100.580.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	46.092.178.263	434.373.064.069
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	171.978.485.702	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	-	199.470.502.806
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		42.382.449.052	24.905.314.432
II. Nợ dài hạn	330		1.232.856.760.310	670.766.831.617
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		167.880.274	839.401.318
2. Phải trả dài hạn khác	337	21	960.870.000	960.870.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	1.031.870.914.209	629.383.072.193
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	167.190.364.916	-
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		32.666.730.911	39.583.488.106
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.132.218.018.274	7.892.597.404.695
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	8.132.218.018.274	7.892.597.404.695
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	21.179.913.858
3. Cổ phiếu quỹ	415		(2.296.824.120)	(2.296.824.120)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.444.814.857.841	3.444.814.857.841
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		754.520.070.695	514.899.457.116
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		121.063.632.361	280.120.843.647
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		633.456.438.334	234.778.613.469
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		10.767.063.264.583	9.833.443.871.801

Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	9.063.907.004.877	7.465.852.549.086
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	213.713.864.228	157.671.743.412
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		8.850.193.140.649	7.308.180.805.674
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	7.193.487.154.286	5.452.528.564.255
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.656.705.986.363	1.855.652.241.419
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	151.312.563.153	194.160.162.710
7. Chi phí tài chính	22	31	73.676.565.185	1.148.895.578
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		62.465.039.341	-
8. Chi phí bán hàng	25	32	478.223.468.443	663.885.338.085
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	407.460.183.846	551.860.445.034
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		848.658.332.042	832.917.725.432
11. Thu nhập khác	31		15.837.660.619	15.605.365.438
12. Chi phí khác	32		1.344.560.318	1.317.355.627
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		14.493.100.301	14.288.009.811
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		863.151.432.343	847.205.735.243
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	132.953.824.668	127.814.613.285
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	14.992.734.096	6.426.998.489
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		715.204.873.579	712.964.123.469

Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	863.151.432.343	847.205.735.243
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	502.685.512.656	174.098.510.485
Các khoản dự phòng	03	34.546.827.364	162.804.499.175
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	8.152.694.428	534.131.424
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(152.993.199.573)	(198.485.599.091)
Chi phí lãi vay	06	62.465.039.341	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.318.008.306.559	986.157.277.236
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(353.810.332.836)	(79.042.047.448)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(307.112.377.514)	(237.114.994.578)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	68.439.005.204	(290.188.980.770)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(33.830.057.872)	33.195.780.650
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(129.868.403.160)	(132.256.123.480)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(72.812.437.306)	(102.057.821.583)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	489.013.703.075	178.693.090.027
			-
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(885.072.536.312)	(1.387.185.031.855)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.483.763.636	13.774.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.440.000.000.000)	(1.250.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.450.000.000.000	450.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	152.749.923.397	188.155.237.104
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(718.838.849.279)	(1.985.254.976.569)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	548.190.200.013	628.839.088.937
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(782.524.593.100)	(398.368.476.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(234.334.393.087)	230.470.612.137
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(464.159.539.291)	(1.576.091.274.405)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.975.644.526.576	3.551.725.949.149
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(59.215.375)	9.851.832
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.511.425.771.910	1.975.644.526.576

Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

(Phần thuyết minh BCTC, xin vui lòng xem toàn văn BCTC đã được công bố tại website www.dpm.vn)

Phần 5 - TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

Căn cứ quy định tại Điều 13 của Điều lệ Tổng công ty về quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí -CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Phương án phân phối lợi nhuận với nội dung như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện 2018:

* ĐHĐCĐ đã chấp thuận kế hoạch phân phối lợi nhuận 2018 của Tổng công ty tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018 và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 10/01/2019, với các chỉ tiêu chính như sau:

- Chi cổ tức bằng tiền, tỷ lệ dự kiến: 10%/mệnh giá cổ phiếu.
- Tỷ lệ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:
 - + Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 84.250.000.000 đồng.
 - + Căn cứ hiệu quả thực tế hoạt động SXKD năm 2018 để điều chỉnh thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 vào kỳ họp ĐHĐCĐ năm 2019 cho phù hợp.

* Với kết quả SXKD năm 2018 theo báo cáo tài chính đã kiểm toán, Hội đồng quản trị TCT đề xuất thực hiện phương án phân phối lợi nhuận 2018 cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Công thức tính	Phân phối lợi nhuận năm 2018
1	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến năm 2017 chuyển sang		98.098.279.743
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo BCTC đã kiểm toán		715.204.873.580
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2018 dùng để phân phối		715.204.873.580
4	Trích lập các quỹ từ LNST 2018	(4=4.1+4.2)	121.551.730.000
4.1	Trích quỹ KT-PL của người lao động	Theo quy định tại thông tư 28/2016/TT-BLDTBXH ngày 01/09/2016	119.995.450.000
4.2	Trích quỹ KT của người quản lý		1.556.280.000
5	Lợi nhuận còn lại năm 2018 sau khi trích lập các quỹ	(5=3-4)	593.653.143.580
6	Tổng lợi nhuận chưa phân phối đến năm 2018	(6=1+5)	691.751.423.323
7	Chia cổ tức, từ nguồn:	(7=7.1 + 7.2)	391.334.260.000
7.1	Toàn bộ lợi nhuận chưa phân phối năm 2017 chuyển sang 2018		98.098.279.743
7.2	Một phần lợi nhuận thực hiện năm 2018 còn lại sau khi trích lập các quỹ		293.235.980.257
	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/CP):	10% mệnh giá	1.000
8	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm 2019	(8=6-7)	300.417.163.323

TCT đã chi tạm ứng cổ tức đợt 2018 với mức 5% mệnh giá, nếu phương án này được ĐHĐCĐ thông qua, giao cho Tổng giám đốc Tổng công ty thực hiện chi trả tiếp phần còn lại (5%) trong quý 2/2019.

II. Đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019:

- Chi cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ dự kiến: 10%/mệnh giá cổ phiếu, từ nguồn lợi nhuận thực hiện 2019 và nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2018 chuyển sang.
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 20% LNST tương đương 32,52 tỷ đồng (không quá 3 tháng lương).
- Căn cứ hiệu quả thực tế hoạt động SXKD năm 2019 để điều chỉnh thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 vào kỳ họp ĐHĐCĐ năm 2020 cho phù hợp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Vinh

Phần 6 - BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ TỜ TRÌNH VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018, Kế hoạch hoạt động năm 2019 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của PVFCCo năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ điều lệ Tổng Công ty Phân Bón Và Hóa Chất Dầu Khí – CTCP.

Ban Kiểm soát Tổng Công ty Phân Bón Và Hóa Chất Dầu Khí – CTCP, Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua:

1. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018, Kế hoạch hoạt động năm 2019;
2. Thông qua đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty năm 2019.

(Cụ thể theo nội dung Báo cáo đính kèm)

Trân trọng.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Huỳnh Kim Nhân

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

1. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018:

- Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát HĐQT, Ban điều hành trong việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh năm 2018 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, Ban Tổng giám đốc để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, đầu tư và đưa ra ý kiến, kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Ngày 20/03/2018, Ông Nguyễn Văn Hòa - thành viên Ban Kiểm soát có đơn xin từ nhiệm vì lý do cá nhân. ĐHĐCĐ thường niên 2018 đã bầu Ông Lương Phương là thành viên thay thế Ông Nguyễn Văn Hòa kể từ ngày 26/4/2018.
- Các phiên họp của Ban kiểm soát năm 2018:

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tổ chức 6 cuộc họp để phân công nhiệm vụ các thành viên, thông qua kế hoạch kiểm tra giám sát các đơn vị, thẩm định báo cáo tài chính quý/6 tháng/năm, thông qua báo cáo giám sát, báo cáo thẩm định tiền lương và báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ của cá nhân, tập thể Ban Kiểm soát, chi tiết như sau:

Phiên họp	Nội dung	Kết quả cuộc họp
Phiên 1 23/3/2018	- Giám sát kết quả hoạt động SXKD quý 1/2018; - Thống nhất nội dung trong báo cáo hoạt động của BKS TCT năm 2017 trình ĐHĐCĐ năm 2018; - Thông qua đề xuất đơn vị Kiểm toán BCTC năm 2018.	Các thành viên BKS thông qua 100%
Phiên 2 23/4/2018	Đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023	2/3 thành viên tham dự và đồng ý kết quả cuộc họp
Phiên 3 02/5/2018	Phân công nhiệm vụ trong Ban Kiểm soát phụ trách kiểm tra, giám sát các lĩnh vực hoạt động SXKD của TCT	Các thành viên BKS thông qua 100%
Phiên 4 29/6/2018	- Giám sát kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2018; - Công tác chuẩn bị soát xét, kiểm toán BCTC năm 2018;	Các thành viên BKS thông qua 100%
Phiên 5 27/9/2018	- Giám sát kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm 2018; - Giám sát xây dựng kế hoạch SXKD năm 2019 của TCT;	Các thành viên BKS thông qua 100%
Phiên 6 28/12/2018	- Tổng kết công tác kiểm tra giám sát hoạt động SXKD năm 2018 của các TV BKS TCT; - Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018; - Kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm soát TCT.	Các thành viên BKS thông qua 100%

2. Đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát:

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Các thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát được giao theo quy định của Điều lệ TCT và tuân thủ quy định của pháp luật.

Ông Huỳnh Kim Nhân – Trưởng Ban kiểm soát TCT.

- Chịu trách nhiệm chung, phê duyệt Kế hoạch hoạt động Kiểm tra giám sát định kỳ, đột xuất và theo dõi công tác kiểm tra giám sát thường xuyên các quy trình, quy chế, quy định chính sách của Tổng Công ty;
- Giám sát việc xây dựng thực hiện chiến lược, công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp, công tác kinh doanh;
- Đề xuất phê duyệt kế hoạch chọn lựa đơn vị thực hiện Kiểm toán báo cáo tài chính TCT.

Ông Lê Vinh Văn – Thành viên Ban kiểm soát

- Kiểm tra, giám sát định kỳ các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, tiến độ các dự án đầu tư XDCB của TCT;
- Theo dõi việc đầu tư góp vốn vào các dự án liên doanh, liên kết của TCT, giám sát việc thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật;
- Giám sát công tác quản lý tài chính, việc sử dụng và bảo toàn vốn tại TCT.

Ông Lương Phương – Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm từ 26/04/2018.

- Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- Giám sát công tác NCPT, sử dụng quỹ KHCVN và thực hiện chế độ tiền lương công ty mẹ - công ty con;
- Giám sát hoạt động các công ty liên kết.

3. Tiền lương, thưởng, thù lao và chi phí hoạt động của các Thành viên Ban Kiểm soát năm 2018:

- Tiền lương, thưởng, thù lao của các thành viên được xây dựng, thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP và theo quyết định số 829/QĐ-DKVN và đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua như sau:

TT	Họ & tên	Chức danh	Tiền lương - Thù lao	Tiền thưởng - phúc lợi	Tổng thu nhập
1	Huỳnh Kim Nhân	Trưởng ban	911	152	1.063
2	Lê Vinh Văn	Thành viên	787	121	908
3	Nguyễn Văn Hòa	TV/ từ nhiệm	52	0	52
4	Lương Phương	TV từ 26/4	105	0	105
	Tổng cộng		1.855	273	2.128

- Chi phí hoạt động của BKS và của từng thành viên là 651,9 triệu đồng, bao gồm: Chi phí văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, trang thiết bị 45,9 triệu đồng; Cuộc điện thoại, internet 31,3 triệu đồng; Công tác phí 473,4 triệu đồng và chi phí tiếp khách, hội họp 101 triệu đồng. Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp theo qui định.

I. Kết quả giám sát hoạt động SXKD và tài chính của Tổng công ty:

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018:

Trong năm 2018, Tổng Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD, cụ thể như sau:

- Về sản lượng sản xuất: Đạm Phú Mỹ đạt 816 ngàn tấn, vượt 2% so KH; NPK Phú Mỹ đạt 58 ngàn tấn, vượt 17% KH; NH3 đạt 56 ngàn tấn, vượt 30% so KH.

- Về sản lượng kinh doanh: Đạm Phú Mỹ đạt 812 ngàn tấn, vượt 2% so KH; NPK Phú Mỹ đạt 35 ngàn tấn, hoàn thành 100% KH; NH3 đạt 52 ngàn tấn, hoàn thành 94% so KH và kinh doanh phân bón khác đạt 327 ngàn tấn, vượt 4% so KH.
- Tổng doanh thu hợp nhất: 9.439 tỷ đồng, vượt 4% so KH.
- Lợi nhuận trước thuế: 871 tỷ đồng, vượt 19% so KH.
- Lợi nhuận sau thuế: 712 tỷ đồng, vượt 15% so KH.
- Nộp NSNN: 297 tỷ đồng, vượt 2% so KH.
- Chi trả cổ tức: Tổng Công ty đã thanh toán cổ tức còn lại năm 2017 với tỷ lệ 10%, tương đương 1000 đ/CP.

2. Công tác triển khai các dự án đầu tư:

- Dự án nâng công suất Xưởng NH3 thêm 90 ngàn tấn/năm được hoàn thành và vận hành từ tháng 1/2018.
- Nhà máy NPK Phú Mỹ đã bàn giao hiện trạng và chính thức vận hành từ giữa tháng 8/2018.
- Giải ngân vốn đầu tư XDCB và mua sắm TTB: 910 tỷ đồng, đạt 62% KH.

3. Công tác thẩm định BCTC:

Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định BCTC quý/6 tháng và BCTC năm 2018 của Tổng công ty theo kế hoạch đã đề ra. Về cơ bản BCTC đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Tổng công ty; việc ghi chép, phân loại và trình bày tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành. BCTC đã được Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện soát xét và kiểm toán theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên phê chuẩn.

4. Về công tác tái cấu trúc, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp:

Tổng Công ty triển khai công tác tái cơ cấu, tập trung vào lĩnh vực SXKD chính là phân bón, và hóa chất; Tái cơ cấu mô hình quản lý tại Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc, sắp xếp các đơn vị thành viên, rà soát đánh giá việc khai thác sử dụng, chuyển nhượng các tài sản để nâng cao hiệu quả sử dụng thu hồi vốn; Tiếp tục tìm kiếm các đối tác để thoái vốn tại các Công ty liên doanh liên kết.

5. Về công tác quản trị, ứng khoa học công nghệ:

Tăng cường khai thác hệ thống công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị của Tổng công ty. Tiếp tục sửa đổi bổ sung, cập nhật, hoàn thiện các quy trình quy chế, rà soát điều chỉnh lại chức năng nhiệm vụ của các Ban/Văn phòng, Đơn vị trực thuộc trên cơ sở tinh gọn, giảm bớt cấp quản lý trung gian, chú trọng hoạt động quản trị rủi ro.

II. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý, những lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để đưa ra các Nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của TCT trong phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền của mình và phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị. Ban điều hành đã chỉ đạo các Ban chức năng thực hiện tốt các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ và ra các quyết định điều hành kịp thời thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

III. Báo cáo đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc và các cổ đông:

- Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Ban Kiểm soát được mời họp và tham gia ý kiến trong các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng giám đốc. Duy trì mối

quan hệ làm việc, phối hợp đảm bảo sự phát triển bền vững của Tổng công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật và các văn bản quản lý nội bộ của Tổng công ty;

- Năm 2018, Ban Kiểm soát không trực tiếp nhận được yêu cầu nào của các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Tổng Công ty về quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Tuy nhiên, các ý kiến góp ý, kiến nghị của cổ đông Công ty VTNN Nghệ An gửi đến HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã được Ban Kiểm soát nắm bắt, xem xét và phối hợp với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc để tiếp thu, có ý kiến phản hồi, giải thích kịp thời đến cổ đông.

IV. Kiến nghị:

- Đề nghị TCT rà soát cập nhật ban hành Quy trình/Quy chế phối hợp HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát, chỉ đạo các Ban liên quan thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát, có báo cáo phản hồi kịp thời cho Ban kiểm soát theo quy định;
- Đề nghị TCT chỉ đạo Ban QLDA xử lý dứt điểm các tồn đọng để ký nghiệm thu & quyết toán vốn công trình (i) Nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học, (ii) dự án Nâng công suất phân xưởng NH3.

V. Kế hoạch hoạt động kiểm tra giám sát năm 2019 của Ban Kiểm soát:

- Kiểm tra giám sát việc triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Giám sát hoạt động đầu tư, quản lý và sử dụng vốn;
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ TCT và các quy chế/quy định của TCT trong hoạt động quản lý điều hành doanh nghiệp; kiểm tra giám sát việc thực hiện phương án tái cấu trúc, thoái vốn, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp.

VI. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019:

Ban Kiểm soát kiến nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT, BKS Tổng công ty lựa chọn một trong các công ty kiểm toán sau: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, Công ty Ernst and Young, và Công ty Pricewaterhouse&Cooper thực hiện kiểm toán BCTC năm 2019.

Phần 7 - BÁO CÁO LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

I. Báo cáo thực hiện tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2018:

Kế hoạch Ngân sách 2018 được ĐHCĐ thông qua: **6.251 triệu đồng** (là số tạm tính, việc xác định quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện năm 2018 sẽ được thực hiện theo quy định của Nhà nước).

Kết quả thực hiện 2018 (thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXD ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội):

ĐV tính: triệu đồng

TT	Họ & tên	Chức danh	Tiền lương + Thù lao	Tiền thưởng và PL từ quỹ KT-PL	Tổng Cộng
I./	Hội đồng Quản trị		4.341	570	4.911
1	Lê Cự Tân	Chủ tịch HĐQT	1.098	150	1.248
2	Đoàn Văn Nhuộm	Ủy viên HĐQT kiêm TGĐ	1.092	149	1.241
3	Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT	1.004	138	1.143
4	Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên HĐQT	956	133	1.088
5	Louis T Nguyễn	Ủy viên HĐQT không chuyên trách	191	0	191
II./	Ban Kiểm soát		1.856	273	2.129
1	Huỳnh Kim Nhân	Trưởng ban Kiểm soát	911	152	1.063
2	Lê Vinh Văn	Thành viên Ban Kiểm soát	787	121	908
3	Nguyễn Văn Hòa	TV.BKS không chuyên trách	52	0	52
4	Lương Phương	TV.BKS không chuyên trách	105	0	105
	Tổng cộng		6.196	843	7.040

4.2 Kế hoạch về tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2019:

Năm 2019, PVFCCo tiếp tục áp dụng quản lý tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS Tổng công ty theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-LĐTBXH. Căn cứ theo tình hình thực hiện năm 2018 và KH SXKD năm 2019, vì vậy PVFCCo xây dựng KH Quỹ lương, thù lao, thưởng của HĐQT, BKS 2019 như sau:

- Quỹ lương, thù lao, thưởng của HĐQT, BKS (tạm tính): **6.577 triệu đồng.**
- Dự phòng 10%: **658 triệu đồng.**
- Tổng cộng: **7.234 triệu đồng.**

(ghi chú: KH tiền lương, thù lao trên chỉ là số tạm tính. Khi Tập đoàn Dầu khí hướng dẫn xây dựng chi tiết về kế hoạch tiền lương năm 2019 thì PVFCCo sẽ điều chỉnh lại sau. Việc xác định quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện năm 2019 sẽ được thực hiện theo quy định của nhà nước).

Kính báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Vinh

Phần 8 – TỜ TRÌNH VỀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỜ TRÌNH

V/v: Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

Căn cứ quy định tại Điều lệ Tổng công ty về quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông nội dung bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty như sau:

Hội đồng quản trị (HĐQT) hiện tại có 05 thành viên. Theo quy định của Điều lệ TCT (sửa đổi, bổ sung gần nhất tại kỳ họp ĐHĐCĐ ngày 10/01/2019), tổng số thành viên HĐQT là từ 5-6 người. Trên cơ sở đáp ứng nhu cầu quản và phù hợp với quy định của Điều lệ TCT, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét việc bầu bổ sung thành viên HĐQT như sau:

1. Số lượng thành viên, tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử.

- Số lượng thành viên HĐQT cần bầu bổ sung: 01 người;
- Tiêu chuẩn và điều kiện: Theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Luật Doanh nghiệp 2014;

2. Danh sách ứng cử viên.

Tổng công ty đã đăng thông báo về việc ứng cử, đề cử ngày 01/4/2019 đến các quý cổ đông. Căn cứ hồ sơ đề cử, ứng cử hợp lệ của các cổ đông/nhóm cổ đông có đủ điều kiện đề cử/ứng cử tính đến thời hạn 14h00 ngày 10/04/2019, Tổng công ty đã tổng hợp danh sách ứng cử viên như sau:

- Ông Trương Văn Hiền, do nhóm cổ đông Tổng công ty CP Vật tư nông nghiệp Nghệ An, Công ty CP Lương thực, vật tư nông nghiệp Đak Lak, nắm giữ 5,84% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty đề cử;
- Ông Dương Trí Hội, do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cổ đông nắm giữ 59,58% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty đề cử.

Chiếu theo các tiêu chuẩn, điều kiện và hồ sơ hợp lệ, các ứng cử viên nêu trên đều đáp ứng yêu cầu để đưa vào danh sách bầu cử HĐQT. Đồng thời số lượng 02 ứng cử viên đáp ứng yêu cầu số lượng tối thiểu để bầu vào HĐQT tại kỳ họp này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Danh sách bầu cử thành viên HĐQT như trên, đồng thời nghiên cứu quy định về bầu cử trong Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, thông tin lý lịch của các ứng cử viên (đính kèm) và tiến hành thủ tục bầu cử.

Trân trọng.

CHỦ TỌA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Tiến Vinh

THÔNG TIN LÝ LỊCH TRÍCH NGANG CÁC ỨNG CỬ VIÊN

1. Ông Trương Văn Hiền:

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/12/1955
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế ĐH Nông lâm Huế
- Quá trình công tác:
 - + 1973 - 1977: Cán bộ kinh doanh trạm phân đạm cấp II, Đà Nẵng;
 - + 1978 - 1984: Cán bộ kinh doanh Công ty Vật tư Nông nghiệp Nghệ Tĩnh;
 - + 1984 - 1987: Phó phòng Tài vụ Công ty Vật tư Nông nghiệp Nghệ Tĩnh;
 - + 1987 - 1989: Phó giám đốc Công ty Vật tư Nông nghiệp Nghệ Tĩnh;
 - + 1990 - 2005: Giám đốc Công ty Vật tư Nông nghiệp Nghệ An;
 - + 2005 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty CP Vật tư Nông nghiệp Nghệ An;
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty CP Vật tư Nông nghiệp Nghệ An;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ TV HĐQT/BKS và các chức danh quản lý khác:
 - + Công ty CP Khoáng sản Đắk Lắk (Chủ tịch HĐQT);
 - + Công ty CP Lương thực Vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk (Chủ tịch HĐQT);
 - + Công ty CP Nông Công Nghiệp 3/2 (Chủ tịch HĐQT).
- Các lợi ích có liên quan đến Tổng công ty: Liên quan đến Tổng công ty CP Vật tư NN Nghệ An và Công ty CP Lương thực Vật tư Nông nghiệp Đắk Lắk, là nhóm cổ đông nắm giữ 22.838.600 cổ phiếu DPM.

2. Ông Dương Trí Hội:

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/04/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện Công nghiệp; Cử nhân Kinh tế Kế hoạch - Đầu tư
- Quá trình công tác:
 - + 10/2002 – 12/2004: Cán bộ Kỹ thuật - Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí;
 - + 01/2005 – 12/2006: Phó Giám đốc Dự án PVE/BDA PM3-CM – Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí;
 - + 01/2007 – 12/2007 Trợ lý Tổng Giám đốc; Trưởng phòng Tiếp thị - Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo)
 - + 01/2008 – 08/2008 Giám đốc – Xí nghiệp Kinh doanh Phân bón Miền Trung – Tây Nguyên của PVFCCo;

- + 09/2008 – 02/2011: Giám đốc Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung;
 - + 03/2011 – 06/2013: Giám đốc Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ;
 - + 07/2013 – nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP.
 - Chức vụ công tác hiện nay: Phó TGD Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP
 - Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ TV HĐQT/BKS và các chức danh quản lý khác: Không có
 - Các lợi ích có liên quan đến Tổng công ty: Không có.
-